

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ- ST
Ngày 31-12- 2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình
giữa chị L1, anh H1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiên;

2. Bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang.

Ngày 31- 12- 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 217/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị L1, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Xóm xxx, thôn V1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Công H1, sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn V2, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị L1 trình bày: Chị và anh H1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T3 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 15- 01- 2021. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ ngày 08- 02- 2021, nguyên nhân do tính tình không hợp. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ ngày 04- 06- 2021, chị đã về nhà chị có từ trước khi kết hôn ở thôn thôn V1, xã T1 sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau , không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa . Hiện nay, chị

không mang thai. Do vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng ly hôn anh H1. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị về yêu cầu của anh H1: Khi chị xin ly hôn thì anh H1 yêu cầu chị thanh toán 10.000.000đồng mà anh đã chi ra trong lễ cưới. Chị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của anh H1 vì các lý do sau:

(1). Về khoản tiền 3.400.000đồng 4 mâm cỗ: Khi hai gia đình bàn bạc về lễ cưới của anh chị thì chị có nhờ anh H1 đặt cho 4 mâm cỗ để nhà gái ăn uống trong lễ cưới tại gia đình nhà trai, cùng với khách nhà trai (vì nhà gái không tổ chức ăn uống). Trong quá trình bàn bạc thì nhà trai tuyên bố 4 mâm cỗ này nhà trai mời nhà gái nên nhà gái không phải thanh toán. Do vậy, chị cũng không hỏi chi phí 4 mâm cỗ cưới nên không biết giá một mâm là bao nhiêu. Thực tế khi ăn, nhà gái chỉ sử dụng 02 mâm, còn 02 mâm trong số đó do nhà trai sử dụng. Nay vì lý do chị xin ly hôn mà anh H1 yêu cầu chị trả tiền cỗ này thì chị không chấp nhận, vì nhà trai đã mời nhà gái nên không được đòi nữa.

(2). Về chi phí thuê phòng bạt: Anh H1 cho rằng: Khi tổ chức lễ cưới, anh H1 phải chi 9.200.000đồng tiền thuê phòng bạt, bàn ghế. Thực tế, chị không biết hết bao nhiêu tiền. Mặt khác, đây là khoản chi mà nhà trai phải chi ra để thực hiện tổ chức hôn lễ theo phong tục, nhà trai phải chịu toàn bộ chi phí này. Nay vì chị xin ly hôn mà anh yêu cầu thanh toán 4.600.000đồng (=50%) thì chị không chấp nhận thanh toán khoản này.

(3). Về chi phí nhẫn cưới: Anh H1 cho rằng: Khi tổ chức lễ cưới thì anh mua nhẫn cưới cho cô dâu, chú rể; tổng hai nhẫn là 3.000.000đồng; trao cô dâu một nhẫn là 1.500.000đồng. Nay chị xin ly hôn mà anh yêu cầu thanh toán 1.500.000đồng (50%). Ý kiến của chị là: Việc mua nhẫn trao cho cô dâu theo phong tục là trách nhiệm của chú rể và thực tế hôn lễ đã thực hiện xong, vợ chồng đã chung sống với nhau; nay không thể vì lý do chị xin ly hôn mà anh đòi nhẫn cưới được. Vì vậy, chị không chấp nhận.

(4). Về chi phí mua lễ xin dâu 500.000đồng: Theo phong tục thì nhà trai phải mua lễ xin cưới; dù vợ chồng chung sống với nhau như thế nào hạnh phúc hay không thì đây cũng là khoản chi mà nhà trai phải chi theo phong tục nên nay chị xin ly hôn mà anh yêu cầu thanh toán thì chị không chấp nhận.

Tại biên bản lấy lời khai các ngày 21- 10- 2021; 09- 11- 2021; đơn yêu cầu ngày 09- 11- 2021, bị đơn là anh H1 trình bày: Anh và chị L1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T3 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 15- 01- 2021. Tháng 05- 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do chưa thực sự hiểu nhau; từ đó vợ chồng sống ly thân. Anh xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ

chồng không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến khác: Nay chị L1 yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu chị trả lại cho anh các khoản chi phí phát sinh trong ngày tổ chức hôn lễ của anh chị. Cụ thể: Anh yêu cầu chị L1 trả cho anh 10.000.000đồng gồm:

-Chị L1 nhờ anh đặt cỗ cưới cho gia đình nhà gái nhưng ăn uống tại gia đình anh vào ngày cưới (1 bữa trưa) gồm 4 mâm cỗ x 850.000đồng/mâm cỗ; thành tiền: 3.400.000đồng. Nay anh yêu cầu chị L1 trả anh đủ 3.400.000đồng. Anh không có tài liệu chứng cứ giao nộp Tòa án.

-Khi tổ chức lễ cưới, anh phải thuê phòng bạt, bàn ghế hết 9.200.000đồng nay anh yêu cầu chị L1 thanh toán 50% là: 4.600.000đồng. Anh không có tài liệu chứng cứ giao nộp Tòa án.

-Khi tổ chức lễ cưới thì anh mua nhẫn cưới cho cô dâu, chú rể. Tổng số tiền mua nhẫn cưới là 3.000.000đồng; anh đã trao một nhẫn cưới cho cô dâu là chị L1 và một nhẫn cho anh. Nay anh yêu cầu chị L1 thanh toán 50% là: 1.500.000đồng. Anh không có tài liệu chứng cứ giao nộp Tòa án.

-Anh yêu cầu chị L1 thanh toán toàn bộ chi phí anh đã mua lễ xin cưới (lễ xin dâu) là 500.000đồng. Anh không có tài liệu chứng cứ giao nộp Tòa án.

Tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, chị L1 yêu cầu ly hôn, anh H1 đồng ý ly hôn. Chị L1, anh H1 đều xác định: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên đều không yêu cầu giải quyết. Ý kiến khác: Anh H1 yêu cầu chị L1 thanh toán cho anh 10.000.000đồng chi phí cho lễ cưới nhưng chị L1 không chấp nhận toàn bộ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa đúng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị: Xử cho chị L1 ly hôn anh H1. Vợ chồng chị L1- anh H1 không có con chung, không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết. Về yêu cầu của bị đơn: Không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ

tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị L1 và anh H1 là tự nguyện và hợp pháp. Từ khi mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị L1- anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L1 ly hôn anh H1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị L1- anh H1 không có con chung nên không ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về yêu cầu của bị đơn: Trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh H1 yêu cầu chị L1 thanh toán cho anh các khoản: Tiền đặt 4 mâm cỗ cưới: 3.400.000đồng; tiền mua nhẫn cưới trao cho cô dâu: 1.500.000đồng; 50% tiền thuê phòng bạt ngày cưới: 4.600.000đồng; tiền mua lễ xin dâu: 500.000đồng; Cộng: 10.000.000đồng. Tòa án đã giao cho anh H1 thông báo về việc anh có nghĩa vụ trình bày, giao nộp tài liệu, chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của anh nhưng anh H1 không giao nộp tài liệu chứng cứ, cũng không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu của anh H1. Anh H1 có quyền khởi kiện vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị L1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị L1 ly hôn anh Trương Công H1.

2. Về con chung: Vợ chồng chị L1- anh H1 không có con chung; không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị L1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003804 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái

Bình.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tông